

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 54 /2017/ HNGĐ-ST
Ngày: 27/12/2017
V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hồ Xuân Dũng

2- Bà Nguyễn Thị Thảo

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXX-ST ngày 27/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Châu Thị Ái D, sinh năm 1976

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Thôn Ngọc Thanh, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2017 và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn chị Châu Thị Ái D trình bày: Chị và anh Phạm Văn T tổ chức cưới hỏi vào tháng 01/1998, trước khi kết hôn có tìm hiểu thời gian ngắn, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy đăng ký kết hôn do UBND xã N cấp. Sau khi cưới, vợ chồng lập nghiệp ở tỉnh L khoảng hơn 01 năm thì chị mang thai nên về phía gia đình chị sinh con. Anh T làm nghề thợ sơn thường đi làm xa nhà, thỉnh thoảng vài tháng mới về thăm gia đình, sau đó thì chị nghe dư luận anh T quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, anh cũng thừa nhận, chị có khuyên ngăn nhưng anh vẫn chung sống với nhau, thời gian từ năm 2014 đến đầu năm 2017 anh không về nhà cả ngày lễ, dịp tết, đến tháng 8/2017 anh về nhà ở cùng gia đình cho đến nay. Chỉ thời gian ngắn nhưng nhiều lần anh đánh đập và hăm dọa chị, ngoài ra anh còn vô kể ghen

tuông với người thợ xây gần nhà và mâu thuẫn nhiều chuyện lặt vặt khác trong cuộc sống hàng ngày. Hiện anh vẫn còn liên lạc với người phụ nữ trên, có lần anh cũng thách thức và đã ký vào đơn ly hôn. Hiện mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, chị không còn tình cảm với anh T, yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn T.

Vợ chồng có 01 người con chung tên Phạm Như T, sinh ngày 10/01/2000, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, chị làm công nhân có thu nhập 4.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung và nợ : Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2017 và các văn bản tố tụng khác bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:* Anh thống nhất như lời trình bày của chị D về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn, con chung và tài sản chung. Anh T cũng thừa nhận thời điểm đi làm xa gia đình, anh có quen người phụ nữ tên N ở Long An nhưng đầu năm 2017 anh đã chấm dứt mối quan hệ tình cảm trên và có về thăm gia đình 02 lần, đến ngày 01/8/2017 thì anh về chung sống với vợ con cho đến nay. Theo anh nguyên nhân là do anh bị bệnh tiểu đường, vợ sợ bị lây bệnh nên không muốn đoàn tụ. Anh có đánh vợ vì việc nhà cha mẹ anh có giỗ nhưng vợ không về, còn phía vợ thì lại đến được nên bức xúc có đánh vợ và nhiều chuyện khác nữa. Vợ chồng không chung sống với nhau từ năm 2015 đến tháng 02/2017. Việc anh ký vào đơn ly hôn do quá bức xúc khi nghe vợ thách thức. Nay anh vẫn còn tình cảm với D, nên không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi người con chung tên Phạm Như T, sinh ngày 10/01/2000 cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu D cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ : Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn anh Phạm Văn T triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Thị Ái D.

Về con chung: Đề nghị giao người con tên Phạm Như T, sinh ngày 10/01/2000 cho chị D nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng vì chị D không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết, miễn xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về mặt tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật chị Châu Thị Ái D yêu cầu Tòa giải quyết là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Phạm Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về mặt nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị Ái D và anh Phạm Văn T có tổ chức cưới hỏi, tự nguyện đi đến hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Trong quá trình sống chung, cả hai anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh T đi làm xa ngoài tỉnh với người phụ nữ khác, anh chị sống ly thân suốt thời gian dài hơn hai năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Vào tháng 8/2017 anh về sống với vợ con nhưng chỉ thời gian ngắn lại xảy ra xung đột, vì những chuyện vặt trong cuộc sống hàng ngày, anh chưa đưa ra kế hoạch để thể hiện hàn gắn hạnh phúc gia đình mà còn vô kế ghen tuông, xô đẩy, lời qua tiếng lại với người hàng xóm, đánh đập hăm dọa vợ. Theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình...*” và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, ly hôn theo yêu cầu của một bên “*...nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có ... vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Từ viện dẫn pháp luật với các chứng cứ như trên, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T sống chung không có hạnh phúc. Việc chị D có yêu cầu xin ly hôn là đúng với thực tế mâu thuẫn đã phát sinh, phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Thị Ái D.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] *Đối với yêu cầu nuôi con*: Vợ chồng có 01 người con chung, tên Phạm Như T, sinh ngày 10/01/2000, hiện đang sống với chị D, anh chị đều có yêu cầu nuôi con. Thời gian qua cháu Phạm Như T ở với mẹ, chỉ thời gian ngắn cháu đã đến tuổi trưởng thành, nguyện vọng cháu cũng muốn ở với mẹ, Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và để đảm bảo lợi ích của cháu Phạm Như T, HĐXX quyết định giao cháu Phạm Như T cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2.2] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị D xác định hiện sức khỏe bình thường, đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo lợi ích cho con, không yêu cầu cấp dưỡng, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn T.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa giải quyết,

nên miễn xét.

[2.4] Về án phí: Chị Châu Thị Ái D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Châu Thị Ái D và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao người con tên Phạm Như T, sinh ngày 10/01/2000 cho chị Châu Thị Ái D tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn T do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Châu Thị Ái D và anh Phạm Văn T không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Châu Thị Ái D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002894 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã .

5. Quyền kháng cáo: Chị Châu Thị Ái D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh B;
- VKSND TX. A;
- Chi cục THADS TX. A;
- UBND xã N;
- Lưu .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Oanh